TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-10-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Như Học;

Bà Phan Thị Trang Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Hồng T, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Điệp Văn K, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 7 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trịnh Hồng T trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà Trịnh Hồng T và ông Điệp Văn K có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2009. Hôn nhân có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau ngày 24 tháng 04 năm 2009.

Khi thành hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông K đánh đập bà T nhiều lần, có lần ông K dùng dao hăm dọa chém bà T, cha mẹ chồng khuyên can, ông K hứa sửa đổi nhưng vẫn không thực hiện dẫn đến đời sống chung không đảm bảo hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Điệp Văn K.

- Về nuôi con chung: Bà T xác định có hai người con chung;

1/ Điệp Phát H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2010 (nam);

2/ Điệp Khánh N, sinh ngày 06 tháng 05 năm 2014 (nữ), hiện các cháu đang sống cùng gia đình. Khi ly hôn, bà T tự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng cho con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 18 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Điệp Văn K trình bày:

- Về hôn nhân: Thời gian kết hôn và tình trạng hôn nhân đúng như bà T trình bày. Ông K và bà T sau thời gian tìm hiểu đã kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 24 tháng 04 năm 2009.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường hay cự cãi dẫn đến xô sát. Nay vì còn tình cảm với vợ và thương các con còn nhỏ nên ông K không đồng ý ly hôn với bà T, ông K yêu cầu Tòa án hàn gắn hôn nhân.

- Về nuôi con chung: Ông K xác định có hai người con chung; Điệp Phát H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2010 (nam); Điệp Khánh N, sinh ngày 06 tháng 05 năm 2014 (nữ), hiện các cháu đang sống cùng gia đình. Ông K không đồng ý ly hôn nên về phần con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì về phần con chung giải quyết theo yêu cầu của bà T.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà T, ông K vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Trịnh Hồng T yêu cầu ly hôn với ông Điệp Văn K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; ông K cư trú tại khóm 1, thị trấn N, huyện Nn nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Trịnh Hồng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt vụ án ly hôn vì lý do bận đi làm ăn xa, yêu cầu này của bà T là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Điệp Văn K đã được Tòa án thông báo hợp lệ các phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Điệp Văn K.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Năm 2009 bà Trịnh Hồng T và ông Điệp Văn K có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Hôn nhân có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số: 01/2009 ngày 24 tháng 4 năm 2009. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà Trịnh Hồng T và ông Điệp Văn K được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà T và ông K có những bất hòa không thể hàn gắn được, bà T và ông K đều xác định quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên cự cải dẫn đến xô sát nên hôn nhân không đạt hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông K. Ông K hứa hẹn sửa đổi bản tính nóng nảy, hòa giải mâu thuẫn với bà T để cùng chăm lo cho các người con. Ông K không đồng ý ly hôn với bà T vì còn thương bà T và thương con còn nhỏ nên yêu cầu Tòa án hàn gắn hôn nhân.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông K không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà T, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông K không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải hàn gắn hôn nhân,

chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Hồng T đối với ông Điệp Văn K theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Bà T và ông K xác định có hai người con chung; Điệp Phát H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2010 (nam); Điệp Khánh N, sinh ngày 06 tháng 05 năm 2014 (nữ), hiện các cháu đang sống cùng gia đình, khi ly hôn bà T, ông K tự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về chia tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Trịnh Hồng T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 220, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Hồng T đối với ông Điệp Văn K.

2. Về nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: Bà Trịnh Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016027 ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền